

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ VĨNH CHÂU  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2021/DS-ST

Ngày: 17- 5 - 2021

*Về việc tranh chấp hợp  
đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Hiếu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Triệu Khánh Long;

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thanh Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên Tòa:**  
Bà Phạm Thị Diệp – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 185/2020/TLST-DS, ngày 10 tháng 11 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2021/QĐST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Bà Lâm Thị H, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Số nhà 340 ấp Tr, xã Hòa Đ, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Anh Nguyễn Tiên Th, sinh năm 1996 (Có mặt);

Địa chỉ: Số nhà 180 đường 30/4, Khóm B, Phường A, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh

Sóc Trăng.

*\* Bị đơn:*

- Bà Lý Thị O , sinh năm 1974 (Có mặt).

- Ông Thạch Q , sinh năm 1966 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số nhà 192 ấp Tr , xã H , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn Lâm Thị H đề ngày 15/10/2020 và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Nguyễn Tiến Th trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm:

Vào tháng 8 năm 2019, bà Lâm Thị H có cho vợ chồng bà Lý Thị O – ông Thạch Q vay 370.000.000đ (ba trăm bảy mươi triệu đồng); lúc vay không làm giấy tờ, chỉ thỏa thuận bằng lời nói, cho vay không lãi suất, thời hạn vay là 1 tháng, sau khi vợ chồng bà O – ông Q nhận tiền bồi thường đất sẽ trả nợ cho bà H . Tuy nhiên, sau khi vay đến tháng 9/2019, vợ chồng bà O – ông Q vẫn chưa trả tiền nên bà H trực tiếp gặp bà O để đòi nợ thì bà O hứa hẹn, sau đó gửi trả được 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng), còn nợ lại 335.000.000đ (ba trăm ba mươi lăm triệu đồng) thì ngưng cho đến nay.

Do vợ chồng bà O – ông Q không trả nợ nên bà H yêu cầu Tổ hòa giải ấp Tr giải quyết. Tại buổi hòa giải, bà O thừa nhận nợ nhưng hai bên không thống nhất phương án trả nợ .

Nay, bà Lâm Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Buộc vợ chồng bà Lý Thị O – ông Thạch Q phải trả cho bà H toàn bộ số nợ vốn gốc là 335.000.000đ (ba trăm ba mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi suất theo quy định nhà nước do vợ chồng bà O – ông Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận ban đầu là 335.000.000đ (ba trăm ba mươi lăm triệu đồng) x 0,83%/tháng x 12 tháng (tính từ tháng 10/2019 đến tháng 10/2020) là 33.366.000đ (ba mươi ba triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp là bản sao chứng minh nhân dân của bà Lâm Thị H ; bản sao sổ hộ khẩu của bà Lâm Thị H ; Biên bản hòa giải cơ sở của Tổ hòa giải ấp Tr , xã H vào ngày 08/10/2020; Giấy ủy quyền tham gia tố tụng.

- *Tại Đơn trình bày ý kiến của đề ngày 26/11/2020, Biên bản lấy lời khai của Tòa án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Lý Thị O trình bày: Khoảng đầu*

năm 2018, bà O vay của bà H tiền ngày, vay nhiều lần với số vốn là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) đóng lãi hàng ngày, mỗi ngày 400.000đồng tiền lãi, chưa trả vốn.

Sau đó, do không có tiền đóng lãi hàng ngày nên bà O tiếp tục vay tiền góp của bà H (để trả tiền lãi ngày khoản vay trên), vay nhiều lần tổng cộng vốn là 115.000.000đ (một trăm mười lăm triệu đồng), tiền lãi tùy theo số tiền vốn vay (ví dụ 10.000.000đồng mỗi ngày góp 500.000đồng trong 22 ngày thì trả dứt vốn và lãi).

Tổng cộng hai khoản vay, bà O vay vốn của bà H là 195.000.000đ (một trăm chín mươi lăm triệu đồng). Sau khi vay, bà O đã trả rất nhiều lần nhưng không nhớ cụ thể bao nhiêu tiền, đóng được một khoản thời gian thì bà O không có khả năng đóng lãi nữa. Đến khoảng đầu năm 2020, bà O xin bà H ngưng không thu tiền lãi nữa, bà H cũng đồng ý, nên hai bên tính lại tổng nợ của bà O. Sau khi tính, bà H cộng cả tiền lãi còn nợ trước đây vào tiền vốn thành số tiền là 370.000.000đ (ba trăm bảy mươi triệu đồng), bà O đồng ý số tiền nợ này. Sau đó, bà O có trả cho bà H được 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng) còn nợ lại 335.000.000đ (ba trăm ba mươi lăm triệu đồng) thì hết khả năng trả, nên bà O xin ngưng 2 tháng mới trả 1 lần, sau 2 tháng bà O có gặp bà H để trả thêm 2.000.000đ (hai triệu đồng) nhưng bà H không đồng ý nhận.

Việc bà O vay tiền của bà H chỉ thỏa thuận bằng lời nói với nhau, chỉ có 2 người, không ai biết, bà O không nói với chồng là ông Q biết việc bà O đi vay của bà H mà chỉ nói với mẹ ruột là thiếu nợ bà H, vay tiền để bổ sung vốn nuôi tôm kiếm lời trả các khoản nợ của Ngân hàng.

Sau khi vay tiền, bà O dùng số tiền này mua tôm giống, thuốc và cải tạo ao nuôi trên phần đất mẹ cho mượn. Nhưng do nuôi tôm thua lỗ nên bà O không có khả năng trả nợ cho bà H, bà O xin được gia hạn, khi nào có tiền bà O sẽ trả nợ cho bà H.

- *Đối với bị đơn ông Thạch Q* : Dù được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của bà H nhưng ông Qu không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Đồng thời, ông Q cũng vắng mặt không có lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp trên cho ông Q và đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày

29/3/2021, bị đơn Q vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ là Biên bản lấy lời khai của bà Lý Thị O .

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, tuy nhiên bị đơn Thạch Q không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về quan hệ pháp luật tranh chấp, Hội đồng xét xử đã xác định đúng quan hệ tranh chấp “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn vợ chồng bà Lý Thị O – ông Thạch Q có trách nhiệm trả nguyên đơn số tiền vay là 335.000.000đ (ba trăm ba mươi lăm triệu đồng), quyết định về nghĩa vụ chịu án phí đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Bà Lâm Thị H khởi kiện, yêu cầu vợ chồng bà Lý Thị O – ông Thạch Q về hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi. Đây là các giao dịch dân sự được quy định tại Điều 463, khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu vợ chồng bà Lý Thị O – ông Thạch Q thanh toán khoản tiền vay là 335.000.000đ (ba trăm ba mươi lăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất. Việc thay đổi này là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi của nguyên đơn.

Bị đơn ông Thạch Q đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị H về việc yêu cầu vợ chồng bà Lý Thị O – ông Thạch Q có trách nhiệm trả lại số tiền vay là 335.000.000đ (ba trăm ba mươi lăm triệu đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà H khởi kiện vợ chồng bà O – ông Q trả tiền vay là 335.000.000đ (ba trăm ba mươi lăm triệu đồng), khi vay, các bên không lập thành văn bản mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không có thỏa thuận lãi suất nhưng có thỏa thuận thời gian thanh toán cụ thể. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà O thừa nhận có vay tiền của bà H, bà O vay theo hình thức trả góp tiền lãi hàng ngày với số tiền vay là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) và vay trả góp vốn và lãi hàng ngày là 115.000.000đ (một trăm mười lăm triệu đồng), tổng cộng bà O vay của bà H 195.000.000đ (một trăm chín mươi lăm triệu đồng). Bà O đã trả rất nhiều lần nhưng không nhớ cụ thể đã trả bao nhiêu tiền, sau đó không có khả năng đóng lãi nữa. Nên khoảng đầu năm 2020, bà O có xin bà H ngưng không thu tiền lãi nữa, bà Hương cũng đồng ý, nên hai bên tính lại tổng nợ của bà O. Sau khi tính, bà H cộng cả tiền lãi còn nợ trước đây vào tiền vốn thành số tiền là 370.000.000đ (ba trăm bảy mươi triệu đồng). Sau đó, bà O có trả cho bà H được 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng) còn nợ lại 335.000.000đ (ba trăm ba mươi lăm triệu đồng) thì hết khả năng. Bà O cho rằng đóng lãi nhiều lần nhưng không có chứng cứ cụ thể cũng không có ai làm chứng cho bà; đồng thời, bà O cho rằng trong số tiền bà H khởi kiện 335.000.000đ (ba trăm ba mươi lăm triệu đồng) không phải là số tiền vốn bà O đã vay mà trong đó có 175.000.000đ (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng) tiền lãi được bà H cộng dồn thành tiền vốn vay để khởi kiện; bà Oa yêu cầu Tòa án xem xét cho bà. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bà Oanh cũng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ và nguyên đơn không thừa nhận lời trình bày của bà O về việc đóng lãi và cộng dồn lãi vào tiền vốn gốc. Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, do

bà O không cung cấp chứng cứ chứng minh ý kiến phản đối của mình là có căn cứ và hợp pháp nên chấp nhận theo lời trình bày của nguyên đơn,

Từ các căn cứ nêu trên, đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định việc giao dịch dân sự giữa bà H và bà O đối với số nợ 335.000.000đ (ba trăm ba mươi lăm triệu đồng) là hợp đồng vay có kỳ hạn, không có lãi.

[2.2] Việc thực hiện hợp đồng vay tài sản giữa bà H với bà O với số tiền 335.000.000đ (ba trăm ba mươi lăm triệu đồng), mặc dù bà O trình bày là tự bà giao dịch, ông Thạch Q là chồng bà không có tham gia cũng không biết được việc này. Tuy nhiên bà O khẳng định việc vay mượn mục đích là để bổ sung vốn nuôi tôm kiếm lời trả các khoản nợ của Ngân hàng. Xét thấy, khoản vay trên nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình và ông Q là chồng của bà O nên phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà O trả khoản nợ nêu trên cho bà H .

[2.3] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tiếp tục yêu cầu vợ chồng bà O – ông Q thanh toán số nợ nêu trên mà không yêu cầu tính lãi suất là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Xét ý kiến của bị đơn khi nào có tiền thì sẽ trả nợ cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Tiến Th là người đại diện theo ủy quyền của bà H không đồng ý nên không thể xem xét cho bà Lý Thị O .

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà H có đơn yêu cầu thi hành án, bà O và ông Q phải trả lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

[3] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bà O và ông Q phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ thanh toán quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

***Vì các lẽ trên;***

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lâm Thị H đối với bị đơn vợ chồng bà Lý Thị O – ông Thạch Q, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Buộc vợ chồng bà Lý Thị O – ông Thạch Q có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lâm Thị H số tiền vay là 335.000.000đ (ba trăm ba mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà H có đơn yêu cầu thi hành án, bà O – ông Q phải trả lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng bà Lý Thị O – ông Thạch Q phải cùng liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 16.750.000đ (mười sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà Lâm Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.209.150đ (chín triệu hai trăm lẻ chín nghìn một trăm năm mươi đồng) theo Biên lai thu số 0006396 ngày 28/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

3. Bà Lâm Thị H và bà Lý Thị O có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; ông Thạch Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**VÕ THỊ HIẾU**